

Số: 353 /CNTDM

Phủ Lợi, ngày 09 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành Phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Kế hoạch số 2381/KH-TTKSBT ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố về kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các đơn vị cung cấp nước trên địa bàn khu vực 2, khu vực 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện ngoại kiểm tại Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là Chi nhánh) vào ngày 25/11/2025.

Căn cứ thông báo nhanh kết quả ngoại kiểm của Chi nhánh từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh:

- Số mẫu giám sát: 05 mẫu tại 05 vị trí (01 mẫu tại Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một, 04 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước); Trong đó có 02 mẫu tại vòi trên mạng lưới có chỉ tiêu Sắt không phù hợp Quy chuẩn.

Tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 Thông tư 52/2024/TT - BYT, Chi nhánh lập tức tiến hành kiểm tra xác định nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục, lấy mẫu và thử nghiệm lại thông số Sắt, số lượng và vị trí lấy mẫu: 02 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng (Số 119 Lý Thường Kiệt, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh; Số 157 Ngô Gia Tự, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Nguyên nhân: tại 02 trí trên do ít người sử dụng, lượng nước ít lưu thông

- Biện pháp khắc phục: tiến hành súc xả 2 tuyến ống cấp nước trên.



Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một sẽ tiếp tục lấy mẫu và đánh giá lại thông số Sắt với tần suất ít nhất một tháng 01 lần và trong vòng 03 tháng liên tục và sẽ báo báo định kỳ cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh sẽ tiếp tục duy trì cấp nước an toàn để đảm bảo nguồn nước đạt Quy chuẩn và công khai kết quả giám sát chất lượng nước tại đơn vị để người dân có thông tin về chất lượng nước cũng như báo cáo định kỳ đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quy định.

Trên đây là báo cáo về nguyên nhân và cách khắc phục chỉ số Sắt của Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một kính trình Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chỉ đạo.

Trân trọng kính chào./.

(Đính kèm kết quả kiểm nghiệm trước và sau khi áp dụng biện pháp khắc phục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Huy Cường



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
 Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctn@biwase.com.vn



VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 01/07.12.2025

Ngày phát hành kết quả: 09/12/2025

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý - Bể chứa Thủ Dầu Một
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Lòng, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày lấy mẫu: 07/12/2025 Ngày phân tích: 07/12/2025
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	$\leq 0,01$	KPH (LOD: 0,0001 mg/L)
2	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,6
3	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,35
4	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	2
5	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,99
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,04
8	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,96
9	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	20
10	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	50
12	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,03
13	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	$\leq 0,1$	0,015
14	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	$\leq 0,2$	0,06
15	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 11	0,29

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	≤ 0,9	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
18	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	27,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	≤ 1000	122

* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2024/BYT.

* **Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Mai Thị Đẹp



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh

ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522

Website: www.biwase.com.vn

Email: ptnctnm@biwase.com.vn



BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 03/07.12.2025

Ngày phát hành kết quả: 09/12/2025

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Số 157, đường Ngô Gia Tự, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày lấy mẫu: 07/12/2025 Ngày phân tích: 07/12/2025
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	$\leq 0,01$	KPH (LOD: 0,0001 mg/L)
2	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	$0,2 \pm 1,0$	0,3
3	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,46
4	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	3
5	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,95
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
8	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,96
9	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	20
10	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	50
12	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,03
13	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	$\leq 0,1$	0,012
14	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	$\leq 0,2$	0,06
15	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 11	0,28

08-46 9/12/25

BM QT 10/04.TTQLCLN

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	≤ 0,9	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
18	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	27
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	≤ 1000	122

* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2024/BYT.

* **Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng

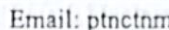
Trần Thanh Trúc

Giám Đốc

TRUNG TÂM
QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG
NƯỚC

IP THỦ ĐAU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

Mai Thị Đẹp



VILAS 817

Ngày phát hành kết quả: 09/12/2025

- 1/2

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	$\leq 0,9$	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	$\leq 0,3$	0,02
18	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	27,46
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	≤ 1000	123

* Nhận xét: Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2024/BYT.

* Ghi chú:

- + QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Mai Thị Đẹp